

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ NHA TRANG  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 29/7/2022  
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,**  
**TỈNH KHÁNH HÒA**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà **Bùi Thị Bích Liễu**
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
  1. Bà **Nguyễn Thị Lý,**
  2. Bà **Võ Thị Bồi.**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Văn Tuấn** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Giới Mạnh Phi** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 349/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST ngày 28 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1992  
Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, Nha T.  
Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
- **Bị đơn:** **Trần Kim G**, sinh năm 1983  
Địa chỉ: Thôn Phước T, xã Phước Đ, Nha T.  
Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 09/3/2021, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn – bà **Lê Thị Thùy T** trình bày: Bà và ông **Trần Kim G** tự nguyện kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân phường Hoài Thanh T, Hoài N, Bình Đ vào năm 2015. Quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2021 đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông G.

\* Theo bản tự khai ngày 18/6/2021 và biên bản hòa giải ngày 18/6/2021, bị đơn ông **Trần Kim G** trình bày: Cuộc sống chung của vợ chồng ông không hòa hợp

về quan điểm sống và vấn đề tài chính của gia đình. Tuy nhiên, bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ con.

**Về con chung:** Bà Lê Thị Thùy T và ông Trần Kim G đều xác nhận có một con chung tên là Trần Lê Quỳnh G, sinh ngày 16/01/2017. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Quỳnh G và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang đã tiến hành xác minh và thực hiện thủ tục tổng đạt, niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng ông Trần Kim G vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bà Lê Thị Thùy T và ông Trần Kim G là vợ chồng, có đăng ký kết hôn, bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố Nha T, tỉnh Khánh H. Do trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên dẫn đến việc bà T xin ly hôn. Xét việc ly hôn của bà T là đúng pháp luật, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Kim G vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn vì lý do công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

**[2.1] Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê Thị Thùy T và ông Trần Kim G kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hoài Thanh T, Hoài N, Bình Đ vào năm 2015 (theo giấy chứng nhận kết hôn số 88, cấp ngày 08/10/2015). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ theo lời khai của bà Lê Thị Thùy T cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng có những mâu thuẫn không thể giải quyết được, hay xảy ra kinh cãi, vợ chồng không hạnh phúc, cuộc sống chung không hòa hợp, không có tiếng nói chung, tình cảm không còn và vợ chồng đã sống ly thân từ nhiều tháng nay.

Căn cứ theo lời khai của ông Trần Kim G thì cuộc sống chung của vợ chồng ông Giao bà T không hòa hợp về quan điểm sống và vấn đề tài chính của gia đình. Tuy nhiên, bà T yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn thương vợ con.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T và ông G là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại

Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**[2.2] Về con chung:** Bà Lê Thị Thùy T và ông Trần Kim G có một con chung tên là Trần Lê Quỳnh G, sinh ngày 16/01/2017. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Lê Quỳnh G và không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay cháu Trần Lê Quỳnh G được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ổn định, đảm bảo cho cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần, do đó cần tiếp tục giao con chung cho bà T chăm sóc, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của bà T cũng như nguyện vọng của ông G theo biên bản hòa giải ngày 18/6/2021. Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại bản tự khai ngày 18/6/2021 ông G yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nhưng ông G không nộp đơn yêu cầu và sau đó không đến Tòa án làm việc nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết tài sản chung, nợ chung giữa bà T và ông G.

**[2.3] Về án phí:** Bà T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

*\* Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về con chung: Giao con chung cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung: Các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

### **Tuyên xử:**

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị Thùy T ly hôn ông Trần Kim G.

**[2] Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Lê Quỳnh G cho bà Lê Thị Thùy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà Trang không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Bà T và ông G có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

**[3] Về tài sản chung, nợ chung:** Các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[4] Về án phí:** Bà Lê Thị Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0000693 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

**[5] Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS Nha Trang;
- UBND xã Hoài Thanh T, huyện Hoài N, tỉnh Bình Đ (GCNKH số 88, ngày 08/10/2015);
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Liễu**